TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 – HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:355/2026/HNGĐ-ST
Ngày 20/4/2026
V/v Tranh chấp Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Bà Hứa Thị Hà.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Mai và bà Nguyễn Thị Thắm.
- Thư ký phiên Tòa: Bà Nguyễn Thanh Thuỷ - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11 – Hà Nội.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa: Bà Hoàng Thúy Hằng – Kiểm sát viên.
Ngày 20 tháng 04 năm 2026 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 379/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2026/QĐXXST – HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2026/QĐST – HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thanh H, sinh năm 1997. CCCD số 001197xxxxxx do Cục C về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021.

Thường trú và nơi ở: Thôn D, xã P, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Bùi Lê H1, sinh năm 1997. CCCD số 001097xxxxxx do Cục C về trật tự xã hội cấp ngày 01/5/2021.

Thường trú và nơi ở: Thôn B, xã P, Thành phố Hà Nội.

(chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Lê H1 tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (Nay là UBND xã P, Thành phố Hà Nội) và được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kết hôn số 12 ngày

19/05/2023. Anh, chị sống chung thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, nguyên nhân xuất phát từ việc chị muốn vợ chồng chuyển lên nội thành làm việc phát triển còn anh H1 thì vẫn muốn ở lại quê. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên ngăn, hòa giải nhưng tình hình vẫn không tiến triển, anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng. Chị và anh H1 đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay, trong quá trình sống ly thân, vợ chồng có gọi điện liên lạc với nhau nhưng không nói gì về chuyện đoàn tụ. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Lê H1.

- Về con chung: Chị và anh H1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Bùi Lê H1 vắng mặt tại phiên tòa và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhưng anh H1 đều vắng mặt, Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình nhưng anh H1 cố tình vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

* Theo lời khai của bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1974 là mẹ đẻ của chị H: Về thời gian, địa điểm, điều kiện kết hôn, lời khai của chị H là đúng, chị H và anh H1 lấy nhau là tự nguyện. Sau khi cưới, chị H về sinh sống với anh H1 được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và đã ly thân từ năm 2024 đến nay. Nay chị H xin ly hôn với anh H1, quan điểm của bà H2 là mong muốn Tòa án xem xét, tạo điều kiện giải quyết thủ tục ly hôn cho chị H theo đúng quy định pháp luật vì bà H2 nhận thấy việc tiếp tục duy trì hôn nhân không mang lại hạnh phúc cho chị H. Chị H và anh H1 không có con chung, không đề nghị Tòa án giải quyết. Về các vấn đề khác bà H2 không nắm được và không có ý kiến gì.

* Qua xác minh tại UBND xã P thể hiện: Chị Phan Thị Thanh H và anh Bùi Lê H1 lấy nhau là tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, Thành phố Hà Nội (Nay là UBND xã P, Thành phố Hà Nội) năm 2023. Trong quá trình chung sống, anh H1 và chị H có phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nay chị H yêu cầu được ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: Chị H và anh H1 không có con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Phía địa phương không nắm bắt được.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Hà Nội tham gia phiên Tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định đúng và đầy đủ; Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội thụ lý và giải quyết đúng thẩm quyền. Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định; Về thu thập chứng cứ đủ và đúng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử theo đúng trình tự; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt theo đúng quy định; Bị đơn anh Bùi Lê H1 chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H xử cho chị H được ly hôn anh H1. Anh H1 đã được triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp: Không có, không yêu cầu giải quyết;

Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm;

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã T (Nay là UBND xã P) cùng lời trình bày của các đương sự tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án xin ly hôn. Bị đơn anh Bùi Lê H1 có hộ khẩu thường trú tại Thôn B, xã P, Thành phố Hà Nội theo quy định tại Điều 28,35,39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Hà Nội.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Thanh H và anh Bùi Lê H1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/05/2023, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị H và anh H1 không có hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, dẫn đến hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt

được. Anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay không còn quan hệ tình cảm và kinh tế. Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng đoàn tụ, chị đề nghị được ly hôn với anh H1. Xét mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, chị Phan Thị Thanh H đề nghị được ly hôn là có căn cứ quy định tại Điều 51 và Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận đơn khởi kiện và yêu cầu của chị H xin ly hôn.

[3] Về con chung: Chị H và anh H1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4] Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5] Về án phí: Chị Phan Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Phan Thị Thanh H đối với anh Bùi Lê H1.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Thanh H được ly hôn với anh Bùi Lê H1.

Về con chung: Chị H và anh H1 không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

Về án phí: Chị Phan Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H3 nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai BLTU/25E/0014943 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Hà Nội.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hà Nội;
- VKSND khu vực 11 – Hà Nội;
- Phòng THADS KV 11 – Hà Nội;
- UBND xã Phú Xuyên;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Lưu hồ sơ.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hứa Thị Hà